

Số: 12 /2020/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 64/TTr-SNV 09/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2020; thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: số 63/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trong Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác quốc phòng quân sự địa phương và Phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 64/2015/QĐ-UBND ngày 31/10/2015 ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; số 75/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 3 Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND. 

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Hiệu trưởng các Trường đại học, cao đẳng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị thuộc Khối thi đua doanh nghiệp và tổ chức hội; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *u*

Nơi nhận: *h*

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng;
- Khối trưởng các Khối thi đua doanh nghiệp;
- Khối trưởng các Khối thi đua tổ chức hội;
- Trung tâm THCB tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Loan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trung

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Kèm theo Quyết định số: 12 /2020/QĐ-UBND ngày 14 / 5 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; nguyên tắc, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng; tặng Trưởng các loại; hoạt động cụm, khối thi đua và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp; thẩm quyền quyết định khen thưởng; việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; quyền lợi của tập thể, cá nhân được khen thưởng và việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể và cá nhân thuộc:
 - a) Các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - b) Các huyện, thành phố, thị xã;
 - c) Các Trường đại học, cao đẳng; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
 - d) Cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham gia phong trào thi đua của tỉnh;
 - đ) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp;
 - e) Tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;
2. Các cá nhân có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
3. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài có công lao, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:
 - a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
 - b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. *u*

2. Nguyên tắc khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được;
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được; hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất, đối ngoại không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước;
- d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần, khuyến khích bằng lợi ích vật chất và các quyền lợi khác theo quy định;
- đ) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn; chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu, ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;
- e) Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Trong một năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (gồm Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ khen thưởng đợt xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn);
- g) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng hoặc tập thể có tỷ lệ nữ nhiều hơn. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung;
- h) Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước;
- i) Chưa khen thưởng hoặc chưa đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;
- k) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;
- l) Khi khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

3. Khen thưởng theo chuyên đề phải có văn bản phát động thi đua theo chuyên đề của cấp có thẩm quyền; việc sơ kết, tổng kết và bình xét khen thưởng từ cơ sở hoặc cơ quan, đơn vị được giao chủ trì phát động.

4. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học làm căn cứ để xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Mục 1

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm để đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực.

Các cơ quan, đơn vị tùy vào cấp quản lý và quy mô hoạt động để tổ chức ký kết giao ước thi đua, đồng thời đăng ký mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và các danh hiệu thi đua (Khối Kinh tế - Xã hội trong Quý I, Khối Giáo dục - Đào tạo đầu năm học). Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hội thuộc khối thi đua của tỉnh gửi đăng ký thi đua về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

Nội dung đăng ký thi đua: Đăng ký tổng thể các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân.

3. Triển khai thực hiện phong trào thi đua sâu rộng và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013 và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này) đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.”

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

8. Số lượng công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định.

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ như sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Số lượng tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đảm bảo tỷ lệ không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” tính cho từng cơ quan, đơn vị, theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng; nếu có số dư thì thực hiện theo nguyên tắc làm tròn số. *u*

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

3. Đối tượng xét đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” là các cá nhân thuộc các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh (không xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” đối với các cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành Trung ương).

4. Số lượng công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” đảm bảo tỷ lệ không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tính cho từng cơ quan, đơn vị, nếu có số dư thì được làm tròn theo nguyên tắc.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2003 xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Số lượng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định.

Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng, xét tặng cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, cụ thể như sau:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không có thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật;

u

d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Tổ chức Đảng, đoàn thể của đơn vị được xếp loại ở mức cao nhất.

2. Số lượng tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không vượt quá 20% tổng số tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

3. Phạm vi, đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như phòng, ban, trung tâm, chi cục và tương đương;

Xét tặng đối với các tập thể trực thuộc Chi cục có quy mô lớn (hoặc tương đương); các khoa, phòng thuộc Bệnh viện hạng I, Bệnh viện hạng II (hoặc tương đương) thuộc Sở Y tế;

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban, trung tâm và tương đương; các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện; UBND cấp xã;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các Trường đại học, cao đẳng: Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban, trung tâm và tương đương;

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, gồm Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh... (trừ các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước): Xét tặng cho các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

e) Đối với các tổ chức hội cấp tỉnh: Xét tặng cho các Chi hội, phòng, ban trực thuộc;

g) Không xét công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” đối với các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng mà thực hiện việc xếp loại thi đua hàng năm theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 11. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh (thường xuyên) được quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Phân bổ chỉ tiêu, số lượng Cờ thi đua của UBND tỉnh (thường xuyên):

a) UBND tỉnh phân bổ số lượng Cờ thi đua đối với các cơ quan, đơn vị theo khối, cụm thi đua tại Phụ lục và hướng dẫn kèm theo Quy chế này. 

b) Khi có thay đổi về đơn vị hành chính, sự nghiệp, bổ sung thêm hoặc bớt số lượng các đơn vị trong cụm, khối thi đua của tỉnh thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh phân bổ số lượng cờ phù hợp.

3. Tập thể được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh được bình chọn, suy tôn từ các đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua của tỉnh; cụm, khối thi đua của ngành, huyện, đơn vị. Các tập thể không tham gia cụm, khối thi đua thì không được bình chọn, suy tôn Cờ thi đua.

4. Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề: Tùy theo các chuyên đề cụ thể, UBND tỉnh có quy định riêng cho phù hợp.

5. Trong một năm, cùng một thành tích không đồng thời đề nghị tặng cờ thi đua của cấp tỉnh và đề nghị tặng cờ thi đua của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 12. Cờ thi đua của Chính phủ

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của UBND tỉnh. Số lượng tập thể được xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể được đề nghị Cờ thi đua của UBND tỉnh. UBND tỉnh phân bổ số lượng Cờ thi đua của Chính phủ tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

2. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Mục 2

TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 13. Giấy khen

Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 2, khoản 3 Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen tặng cho gia đình gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Mức và giá trị đóng góp do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quy định cho phù hợp;

b) Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Mức và giá trị đóng góp do Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn cấp xã quy định cho phù hợp.

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh Nghệ An phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực trong tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Bằng khen của Chủ tịch tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. Quy định số lượng, tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (thường xuyên) đối với cá nhân:

a) Đối với các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng: Đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dưới 50 người được đề nghị tối đa 03 trường hợp; từ 50 người đến dưới 100 người được đề nghị tối đa 05 trường hợp; từ 100 người đến dưới 200 người được đề nghị tối đa 07 trường hợp; từ 200 người đến dưới 300 người được đề nghị tối đa 09 trường hợp; từ 300 người đến dưới 400 người được đề nghị tối đa 11 trường hợp; từ 400 người đến dưới 500 người được đề nghị tối đa 13 trường hợp; từ 500 người đến dưới 600 người được đề nghị tối đa 14 trường hợp; từ 600 người đến dưới 700 người được đề nghị tối đa 15 trường hợp; từ 700 người đến dưới 800 người được đề nghị tối đa 16 trường hợp; từ 800 người trở lên được đề nghị tối đa 2% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nhưng không được vượt quá 40 trường hợp). Riêng Sở Y tế được đề nghị tối đa 60 trường hợp, Sở Giáo dục - Đào tạo được đề nghị tối đa 55 trường hợp;

b) Đối với các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được áp dụng số lượng bằng tỷ lệ 50% các đối tượng khen thưởng tại điểm a khoản này;

c) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức hội: do Ban Thi đua - Khen thưởng căn cứ vào đặc điểm, tình hình, tính chất, quy mô, hiệu quả,... để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định nhưng số lượng không vượt quá tỷ lệ tại điểm a khoản này.

4. Quy định số lượng, tỷ lệ tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (thường xuyên) đối với tập thể:

a) Đối với các cơ quan Đảng; các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng: Số lượng Bằng khen được đề nghị tối đa 15% trên tổng số "Tập thể lao động tiên tiến";

b) Đối với các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Số lượng Bằng khen được đề nghị tối đa 10% trên tổng số "Tập thể lao động tiên tiến";

c) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức hội: Do Ban Thi đua - Khen thưởng căn cứ vào đặc điểm, tình hình, tính chất, quy mô, hiệu quả,... để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định nhưng số lượng không vượt quá tỷ lệ tại điểm a khoản này.

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

6. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trên địa bàn tỉnh: u

a) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch UBND tỉnh phát động (hoặc có văn bản giao cho các cơ quan, đơn vị phát động) thì việc khen thưởng chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp tỉnh (các phong trào do các ngành, huyện, đơn vị phát động do ngành, huyện, đơn vị khen thưởng);

b) Các tập thể, cá nhân cùng một lúc tham gia nhiều chuyên đề khác nhau và các chuyên đề cùng được tổ chức tổng kết trong 1 năm thì lựa chọn, đề nghị khen thưởng đối với một chuyên đề xuất sắc, tiêu biểu nhất (trong trường hợp cần thiết khen vượt quá một chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định);

c) Trước khi trình khen thưởng chuyên đề, các cơ quan, đơn vị thống nhất trước với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung, tiêu chuẩn, số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

d) Về đối tượng khen thưởng:

Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong việc tham gia chỉ đạo, triển khai, thực hiện các chuyên đề; ưu tiên khen thưởng cho đối tượng trực tiếp tham mưu thực hiện, người nông dân, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao; vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, vùng biên, hải đảo.

đ) Về tỷ lệ khen thưởng: Người trực tiếp tham gia, thực hiện chuyên đề chiếm ít nhất 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là Lãnh đạo, quản lý tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền chiếm nhiều nhất 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng;

e) Về số lượng khen thưởng:

Chuyên đề có thời gian 05 năm trở lên, số lượng đề nghị tối đa 10 tập thể và 10 cá nhân/1 chuyên đề.

Chuyên đề có thời gian từ 03 năm đến dưới 05 năm, số lượng đề nghị tối đa 7 tập thể và 7 cá nhân/1 chuyên đề.

Chuyên đề dưới 03 năm trở xuống, số lượng đề nghị tối đa 5 tập thể và 5 cá nhân/1 chuyên đề.

7. Đối với các cơ quan, đơn vị tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập (năm tròn), đại hội,... thì tùy vào quy mô, đặc điểm, tính chất, số lượng cán bộ công chức, viên chức, người lao động, thời gian thành lập, Ban Thi đua - Khen thưởng tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho một số tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc (ưu tiên đối tượng có quá trình công tác lâu dài trong cơ quan, đơn vị, không vi phạm kỷ luật).

8. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong hoạt động đối ngoại:

a) Đối tượng: Các tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Tiêu chuẩn: Có thành tích trong việc ủng hộ từ thiện, nhân đạo, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngoại giao và lĩnh vực khác góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. *u*

9. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất:

Các tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận) được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen kèm mức thưởng phù hợp.

10. Trong một năm không xét tặng nhiều hơn hai Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho một đối tượng (trừ khen thưởng đột xuất).

11. Khi xét khen thưởng thường xuyên, không xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân mới được khen thưởng năm liền kế trước đó từ hình thức Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (Bộ, ngành Trung ương) trở lên hoặc đang đề nghị đồng thời tặng Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các mức hạng (trừ các trường hợp tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị có ngày kỷ niệm thành lập năm tròn; cá nhân chuẩn bị nghỉ chế độ hưu trí).

Điều 15. Quy định về tặng Trướng các loại

1. Trướng để tặng cho tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào các năm tròn (10 năm, 20 năm...) hoặc nhân dịp Đại hội nhằm ghi nhận và động viên kết quả đạt được của tập thể trong nhiệm kỳ và trong quá trình phấn đấu, xây dựng, phát triển.

2. Trướng của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh:

a) Đối tượng tặng Trướng: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để xem xét, trình Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy. Sau khi có văn bản đồng ý về chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy mới tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định.

3. Trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối tượng tặng Trướng:

- Các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã;

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng; các tổ chức hội; các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và đăng ký nộp thuế trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng trướng của UBND tỉnh. 

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 16. Thành lập cụm, khối thi đua

1. Cụm, khối thi đua được thành lập trên cơ sở đăng ký của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có hoạt động chuyên môn, đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, quy mô, loại hình UBND tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An và cử Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh và lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng theo dõi, chỉ đạo.

2. Các cơ quan Đảng; các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; các trường đại học, cao đẳng thành lập cụm, khối thi đua đối với các đơn vị trực thuộc; cử Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó, phân công nhiệm vụ cho các Thành viên trong Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thuộc đơn vị mình theo dõi, chỉ đạo, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào thi đua yêu nước.

Điều 17. Hoạt động cụm, khối

1. Tổ chức hoạt động:

a) Cụm, khối thi đua có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung, phương pháp và tổ chức hoạt động phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối theo chỉ tiêu đã đăng ký giao ước; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, tổ chức phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua.

Sơ kết, tổng kết và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xét, trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng những đơn vị tiêu biểu xuất sắc;

b) Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó điều hành các hoạt động của cụm, khối thi đua; bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Khối trưởng do cán bộ phụ trách thi đua, khen thưởng đơn vị đó đảm nhiệm;

c) Nhiệm kỳ phụ trách của Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó là 1 năm (trừ cụm, khối mới thành lập có thể kéo dài hơn). Hàng năm, khi tiến hành tổng kết, cụm, khối suy tôn bầu Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó và đề nghị cấp thẩm quyền công nhận cho năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm của cụm, khối trưởng và cụm, khối phó và bộ phận giúp việc:

a) Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua ở các đơn vị thành viên; đánh giá, bình xét thi đua nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đăng ký giao ước thi đua đầu năm; chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung và chủ trì các cuộc họp của cụm, khối thi đua theo định kỳ;

b) Cụm phó, Khối phó là người phối hợp và giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; thay mặt cụm, khối trưởng giải quyết những công việc của cụm, khối khi được ủy quyền. Tham gia, chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung của các kỳ họp cụm, khối; u

c) Bộ phận tham mưu giúp việc cho đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng do Cụm trưởng, Khối trưởng cử cán bộ thi đua của đơn vị mình hoặc đơn vị làm Cụm phó, Khối phó;

d) Các đơn vị trong cụm, khối xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng sát với tình hình thực tế của đơn vị mình. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp phong trào thi đua 6 tháng và cả năm để phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết, phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và gửi báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; bảng tự chấm điểm, xếp loại theo nội dung và các chỉ tiêu đã ký giao ước về đơn vị làm cụm, khối trưởng và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh 01 bản để theo dõi, chỉ đạo.

3. Chế độ làm việc của cụm, khối thi đua:

a) Các đơn vị duy trì thường xuyên việc báo cáo theo định kỳ 6 tháng và cả năm. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết vào cuối năm;

b) Đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó sử dụng con dấu của đơn vị mình để ban hành giấy mời sinh hoạt cụm, khối và các văn bản liên quan hoạt động của cụm, khối;

c) Hàng năm, trước khi tổng kết năm, cụm, khối thi đua triển khai học tập kinh nghiệm về tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối (riêng khối thi đua các trường đại học, cao đẳng tiến hành trước khi tổng kết năm học).

4. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua:

Áp dụng hệ thống tiêu chí theo quy định của UBND tỉnh về xếp loại thi đua hàng năm. Riêng các Khối thi đua doanh nghiệp và tổ chức hội thi tự xây dựng Quy chế hoạt động, Bảng tiêu chí chấm điểm riêng của khối mình để chấm điểm, xếp loại thi đua cho phù hợp. UBND tỉnh căn cứ kết quả bình xét, suy tôn của cụm, khối để xem xét, công nhận.

Điều 18. Nội dung, cách thức tiến hành họp cụm, khối thi đua

1. Sơ kết 6 tháng đầu năm:

a) Nội dung: Sơ kết 6 tháng đầu năm đánh giá hoạt động cụm, khối và phong trào thi đua, đề ra kế hoạch hoạt động trong 6 tháng cuối năm, kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối;

b) Thời gian tiến hành sơ kết: Đối với Khối Kinh tế - Xã hội vào đầu tháng 7 hàng năm; đối với Khối Giáo dục - Đào tạo trong tháng 2 hàng năm.

2. Tổng kết năm:

a) Nội dung:

Tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng năm tới.

b) Các bước tiến hành:

Trước khi tổ chức tổng kết năm, Cụm trưởng, Khối trưởng căn cứ vào tình hình thực tế để triển khai kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối hoặc tổ chức kiểm tra chéo.

Tổ chức họp tổng kết năm:

- Đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp kết quả hoạt động của các thành viên trong cụm, khối báo cáo trước hội nghị tổng kết cụm, khối;
- Hội nghị thảo luận, góp ý, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm tới;
- Bình xét, xếp loại các đơn vị trong cụm, khối;
- Suy tôn đơn vị đề nghị tặng cờ thi đua của UBND tỉnh và cờ thi đua của Chính phủ (số lượng cờ được phân bổ tại Phụ lục kèm theo);
- Bầu Cụm trưởng, Khối trưởng; Cụm phó, Khối phó năm tới;
- Phát động phong trào thi đua và đăng ký thi đua trong năm tới.

c) Thời gian tổng kết năm:

- Vào đầu tháng 11 hàng năm (đối với Khối Kinh tế - Xã hội), số liệu báo cáo của các tháng 11, 12 ước tính;
- Riêng khối thi đua các doanh nghiệp và tổ chức hội thực hiện chậm nhất vào ngày 31/01 của năm tiếp theo;
- Vào đầu tháng 7 hàng năm (đối với Khối Giáo dục - Đào tạo).

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

b) Thành phần Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh;
- Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch. Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; 

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng, trong đó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm Chủ tịch. Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị; đại diện lãnh đạo bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng; đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức công đoàn. Các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị phải thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và ban hành quy chế hoạt động, khi có thay đổi các thành viên Hội đồng các cơ quan, đơn vị kịp thời kiện toàn lại cho phù hợp.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; NGHI THỨC TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ DANH HIỆU THI ĐUA; TUYẾN TRÌNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; NGHI THỨC TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 20. Thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND cấp xã

1. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng Giấy khen đối với các tập thể, gia đình, cá nhân thuộc quản lý của cấp xã.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND cấp huyện; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh

1. Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân thuộc huyện quản lý (trừ cấp xã), “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; tặng Giấy khen cho các cá nhân, tập thể.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân.

3. Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh:

Xét công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các ban trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh; xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” đối với tập thể, cá nhân ở cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động cấp huyện, công đoàn ngành cấp tỉnh và tương đương; “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý trực tiếp và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy chế của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 22. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do tỉnh quy định; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; Trưởng các loại; Xếp loại thi đua hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước; Thống nhất, hiệp y (hoặc ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng hiệp y) đề nghị các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

Điều 23. Thẩm quyền của người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã công nhận các danh hiệu thi đua: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tặng hình thức Giấy khen.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng các cấp

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, báo cáo kết quả thẩm định các đối tượng đề nghị khen thưởng, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các cuộc họp: Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh; hồ sơ đề nghị hiệp y với Bộ, ban, ngành Trung ương;

c) Tham mưu các văn bản khen thưởng trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Cụm, khối thi đua của tỉnh xếp loại thi đua, suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị thành viên trong cụm, khối.

U

Điều 25. Nghi thức trao tặng, đón nhận các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua

1. Việc tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải gắn với việc tổ chức kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; kỷ niệm năm tròn, ngày truyền thống, ngày thành lập của ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc gắn với hội nghị tổng kết, hội nghị chuyên đề.

2. Trước khi chuẩn bị tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị làm việc với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thống nhất các nội dung liên quan, gồm: Nghi thức trao tặng, mời lãnh đạo trao thưởng, mời người công bố quyết định; đăng ký với Văn phòng UBND tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy để bố trí lịch của Lãnh đạo tỉnh tham dự (trường hợp có khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh); gửi giấy mời đến Lãnh đạo tỉnh, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác phù hợp với tính chất và nội dung của buổi lễ.

3. Nghi thức tổ chức trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục 2 TUYÊN TRÌNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 26. Tuyên trình khen thưởng

Tuyên trình khen thưởng thực hiện theo Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Khi trình khen thưởng phải trình qua các cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua, khen thưởng để xem xét, thẩm định, tham mưu cho Hội đồng TĐKT các cấp, Lãnh đạo UBND tỉnh quyết định khen thưởng, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Trình qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

b) Cấp huyện: Trình qua Phòng Nội vụ;

c) Các ngành, cơ quan, đơn vị: Trình qua Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng).

3. Các ngành, huyện được UBND tỉnh giao chủ trì phát động, tổ chức các đợt thi đua theo đợt, chuyên đề thì ngành, huyện đó xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để được hướng dẫn xét chọn số lượng tập thể, cá nhân và nội dung, thời gian trình khen thưởng.

4. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch UBND các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (khi trình khen thưởng cấp tỉnh trở lên phải có ý kiến hiệp y của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Nghệ An);

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước: Bộ quản lý ngành, UBND tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Bộ quản lý ngành, UBND tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

d) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

5. Các tổ chức hội: Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 27. Hiệp y khen thưởng

1. Cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn địa phương thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương quản lý phải lấy ý kiến hiệp y của UBND tỉnh những nội dung sau:

a) Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương);

b) Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh);

c) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan thực hiện lấy ý kiến hiệp y của UBND tỉnh.

2. Các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến của Thanh tra tỉnh, Ban Tiếp công dân (thuộc Văn phòng UBND tỉnh) về nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

3. Các trường hợp đề nghị khen thưởng phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, gồm:

a) Khi xét đề nghị tặng, truy tặng Huân chương các loại cho các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

b) Khi xét đề nghị các hình thức khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Thầy thuốc nhân dân", "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ nhân

nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

4. Các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, ban, ngành Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y khi đề nghị khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" (các hạng), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, thực hiện như sau:

a) Đối tượng là các tập thể, cá nhân thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy quản lý) thì tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để xem xét, biểu quyết; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy) xem xét cho ý kiến sau đó UBND tỉnh có văn bản trả lời Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (trong trường hợp không bố trí họp được, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hình thức lấy phiếu bằng văn bản);

b) Các đối tượng khác do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh văn bản trả lời Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Chương IV

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách và từ nguồn đóng góp hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và từ nguồn đóng góp hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 29. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng; mức tiền thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Mức tiền thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Điều 30. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với cơ quan tài chính cấp tỉnh quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chi thưởng và hạch toán chi thành mục riêng.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quyền lợi của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, đơn vị phát động; được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tập thể được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được nhận hiện vật khen thưởng, tiền thưởng kèm theo.

3. Cá nhân được khen thưởng tùy vào danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sẽ được xét nâng lương sớm trước thời hạn, ưu tiên xét, cử đi nghiên cứu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước, nước ngoài và bổ nhiệm cán bộ theo quy định.

Điều 32. Nghĩa vụ của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng.

3. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Hàng năm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác đối với các tập thể và cá nhân theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân để xét công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tư vấn giúp Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh quyết định khen thưởng; kiểm tra, chỉ đạo theo dõi việc tổ chức phát động các phong trào thi đua thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích để đề nghị khen thưởng.

5. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Là Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu giúp UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

b) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Quy chế này.

u

6. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý.

7. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

8. Các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

9. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

10. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, mà sau đó có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc có sai phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm, khuyết điểm để hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng theo quy định (trừ những cá nhân đã hy sinh, tử trận).

11. Trên cơ sở Quy chế của tỉnh, các cơ quan, đơn vị ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh./. *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *th*



Nguyễn Đức Trung

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CỜ THI ĐUA CỦA UBND TỈNH
VÀ CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ HÀNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh)

1. Chỉ tiêu Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ

TT	Khối, Cụm thi đua	Cờ thi đua của UBND tỉnh	Cờ thi đua của Chính phủ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Khối các ngành Kinh tế	01 cờ	01 cờ
2	Khối Văn hoá - Xã hội	02 cờ	01 cờ
3	Khối Nội chính - Lực lượng vũ trang	02 cờ	01 cờ (chỉ dành cho đơn vị thuộc tỉnh)
4	Khối Tổng hợp	01 cờ	01 cờ
5	Khối các cơ quan Đảng	02 cờ	01 cờ
6	Khối các cơ quan trung ương	02 cờ	
7	Khối các đơn vị sự nghiệp và cơ quan	01 cờ	01 cờ
8	Khối Mặt trận và các đoàn thể	01 cờ	01 cờ
9	Cụm số 1	01 cờ	01 cờ
10	Cụm số 2	01 cờ	01 cờ
11	Cụm số 3	01 cờ	01 cờ
12	Cụm số 4	01 cờ	01 cờ
13	Các xã, phường, thị trấn; Trong đó:	27 cờ	04 cờ
a	Các huyện có từ 30 xã, thị trấn trở lên (Hiện nay bao gồm Thanh Chương, Đô Lương, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc)	12 cờ (mỗi huyện chọn 02 đơn vị)	4 cờ (Mỗi Cụm thi đua được chọn 01 đơn vị)
b	Các huyện, thành, thị có từ 29 xã, phường, thị trấn trở xuống	15 cờ (mỗi huyện, thành, thị chọn 01 đơn vị)	
14	Các phòng, ban, đơn vị thuộc các huyện, thành, thị	21 cờ (mỗi huyện, thành, thị chọn 01 đơn vị)	
15	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.	69 cờ	01 cờ

TT	Khối, Cụm thi đua	Cờ thi đua của UBND tỉnh	Cờ thi đua của Chính phủ
(1)	(2)	(3)	(4)
a	Các Sở, ngành có từ 30 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở lên: 7 Sở, ngành (gồm: Sở Nông nghiệp & PTNT, BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Viện Kiểm sát ND tỉnh, Bảo hiểm XH tỉnh, Sở Lao động - TBXH, Liên minh HTX tỉnh)	14 cờ (mỗi Sở, ngành chọn 02 đơn vị)	
b	Các Sở, ngành có từ 29 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở xuống: 50 Sở, ngành còn lại	50 cờ (mỗi Sở, ngành chọn 01 đơn vị)	
c	Riêng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Công an tỉnh	06 cờ (mỗi ngành chọn 03 đơn vị)	01 cờ (chỉ dành cho Sở Y tế)
16	Khối Giáo dục và Đào tạo, Trong đó:	35 cờ	05 cờ
a	Khối các Trường đại học, cao đẳng	02 cờ	01 cờ
b	Các Trường THPT, Trung tâm GDTX thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo	05 cờ	01 cờ
c	Phòng Giáo dục - Đào tạo; Trung tâm GDNN - GDTX; các trường THCS, Tiểu học, Mầm non. Trong đó:	28 cờ	03 cờ
-	Phòng Giáo dục - Đào tạo	2	
-	Trung tâm GDNN - GDTX	2	
-	Khối các Trường Trung học cơ sở	8	1 cờ
-	Khối các Trường Tiểu học	8	1 cờ
-	Khối các Trường Mầm non	8	1 cờ
17	Khối thi đua doanh nghiệp; Trong đó:	27 cờ	04 cờ
a	Khối doanh nghiệp có từ 13 doanh nghiệp trở lên (gồm 05 khối)	15 cờ (mỗi khối chọn 03 đơn vị)	04 cờ (mỗi khối đề nghị 01 đơn vị để Hội đồng TĐKT tỉnh xét chọn 04 cờ Chính phủ)
b	Khối doanh nghiệp có từ 8 - 12 doanh nghiệp (gồm 06 khối)	12 cờ (mỗi khối chọn 02 đơn vị)	
18	Khối thi đua các tổ chức hội (Gồm 04 khối):	04 cờ (mỗi khối được chọn 01 đơn vị)	
*	Tổng số chỉ tiêu cờ:	200 cờ	25 cờ (chiếm 12,5% cờ thi đua của UBND tỉnh)

2. Việc bình xét thực hiện như sau

a) Cờ thi đua của Chính phủ

- Các tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh trước, sau đó suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối Nội chính - Lực lượng vũ trang: Chỉ tiêu Cờ thi đua của Chính phủ chỉ xét đối với các đơn vị thuộc tỉnh, còn các đơn vị thuộc ngành dọc các Bộ, ngành Trung ương do các Bộ, ngành Trung ương xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối các cơ quan Trung ương: Không xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, các đơn vị này do các Bộ, ngành Trung ương xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các xã, phường, thị trấn: Mỗi Cụm thi đua xét chọn 01 đơn vị.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế: Được xét chọn 01 đơn vị để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Đơn vị được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ phải được xét chọn qua Khối thi đua Văn hóa - Xã hội của tỉnh.

- Đối với nhóm phòng Giáo dục - Đào tạo; Trung tâm GDNN - GDTX; các trường THCS, Tiểu học, Mầm non:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX: Không phân bổ chỉ tiêu Cờ thi đua của Chính phủ (tương tự như các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện, ngành).

+ Đối với các trường THCS, Tiểu học, Mầm non: Mỗi Cụm thi đua giới thiệu mỗi cấp học 01 đơn vị (nếu giới thiệu đủ thì toàn tỉnh được 12 đơn vị), sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 03 đơn vị dẫn đầu 3 cấp học để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối thi đua các doanh nghiệp: Có 14 khối, mỗi khối được giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 04 đơn vị để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

b) Cờ thi đua của UBND tỉnh

- Đối với Phòng Giáo dục - Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX: Mỗi Cụm thi đua giới thiệu 01 Phòng Giáo dục - Đào tạo và 01 Trung tâm GDNN - GDTX, sau đó Hội đồng TĐKT tỉnh sẽ xét chọn 02 Phòng Giáo dục - Đào tạo và 02 Trung tâm GDNN - GDTX.

- Đối với các trường THCS, Tiểu học, Mầm non: Mỗi Cụm thi đua được đề nghị 02 đơn vị cho mỗi cấp học. /.